

Tên:

Week: 6

Lớp: S4...

Ngữ pháp HW:

Ngày giao bài: Thứ, ngày/.....

Độc HW:

Ngày nộp bài: Thứ, ngày/.....



Quantifiers & Flyers Reading Practice

A. THEORY

I. GRAMMAR

 QUANTIFIERS  Quantifiers là các từ đứng trước danh từ để chỉ số lượng.				
QUANTIFIER	COUNTABLE NOUNS	UNCOUNTABLE NOUNS	MEANING	EXAMPLE
A lot of	✓	✓	nhiều	a lot of books / a lot of water 
Plenty of	✓	✓	nhiều	plenty of chairs / plenty of time 
Few	✓	✗	ít, hầu như không còn	few students 
A few	✓	✗	một số	a few students 
Little	✗	✓	ít, hầu như không đủ	little milk 
A little	✗	✓	một ít, một chút	a little milk 



LƯU Ý: Có "a" → nghĩa tích cực hơn.
Không có "a" → nghĩa tiêu cực hơn.

II. EXTRA VOCABULARY

Con nghe và đọc lại các từ tại link/code này:

https://soundcloud.com/ms-chi-english/viet-teacher_s4_w6_extra



1 suddenly
(adv)



đột nhiên,
bất ngờ

2 spend time
doing something
(phr)



dành thời gian
để làm gì

3 look for
(phr)



tìm kiếm

4 push off
(phr)



đẩy ra

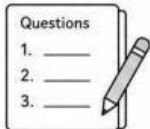
Note: adv = adverb: trạng từ, phr = phrase: cụm từ.

III. READING TIPS

FLYER READING PART 5

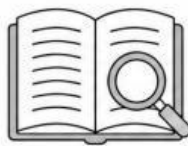
Các bước làm bài

1 ĐỌC CÂU HỎI VÀ XÁC ĐỊNH THÔNG TIN CẦN TÌM



- Đọc kỹ câu hỏi.
- Xác định từ khóa chính (danh từ, động từ, tính từ, số từ, thời gian, địa điểm...).
- Nhớ: trả lời tối đa **4** từ.

2 TÌM THÔNG TIN TRONG BÀI ĐỌC



- Đọc lướt toàn bài để nắm ý chung.
- Dò tìm thông tin chứa từ khóa hoặc đồng nghĩa, paraphrase.
- Đọc kỹ câu có thông tin để chọn đúng phần trả lời.

3 CHỌN VÀ VIẾT ĐÁP ÁN



- Ghi lại đúng nguyên văn (hoặc paraphrase ngắn gọn) từ trong bài.
- Đáp án không quá **4** từ, không thêm bớt từ. Không viết câu.
- Kiểm tra lại: đúng ngữ cảnh và đúng yêu cầu câu hỏi.

VÍ DỤ MINH HOA Dựa trên bài đọc: *William's dad loses his new car*

	Câu hỏi	Từ khóa	Nơi tìm trong bài	Đáp án (≤ 4 từ)
1.	William's dad was going _____ when his old car stopped.	home	"going home in his old blue and white car"	home
2.	The colours of the old car were _____.	colours	"old blue and white car"	blue and white

MẸO NHỚ NHANH

- ✓ Từ khóa giúp bạn khoanh vùng thông tin.
- ✓ Đồng nghĩa & paraphrase rất quan trọng.
- ✓ Chỉ cần đúng thông tin – đúng ngữ cảnh.
- ✓ Tối đa 4 từ – đủ ý, không thừa.

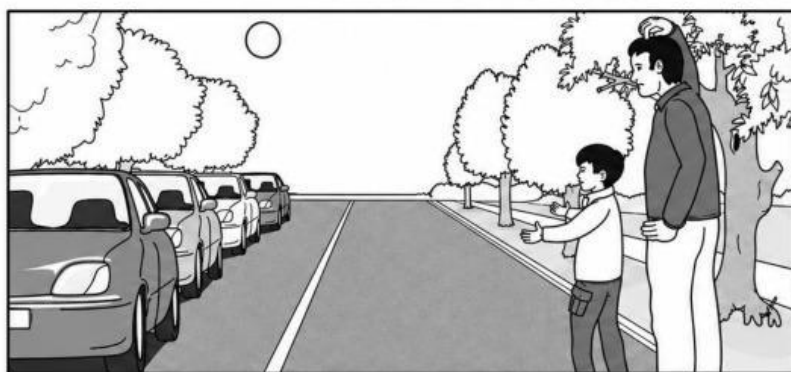


B. CLASSWORK

FLYERS READING PART 5

Look at the picture and read the story. Write some words to complete the sentences about the story. You can use **NO MORE THAN 4 WORDS**.

William's dad loses his new car



They had a snack in a café and then they decided to drive home again. Outside in the street, William's dad said, 'Where's the car? Which road is it in?' 'I don't know!' said William.

They spent fifteen minutes looking for it. Then they found a policeman and said, 'We can't find our car!' The policeman looked at them and said, 'I'll help you find the car, but is it a blue and white one?' 'No,' said William's dad.

One evening after work, William's dad was going home in his old blue and white car when suddenly it stopped. He couldn't start it again. There was a lot of traffic behind him on the road. A policeman came and, together, they pushed the car off the road. 'That's enough!' William's dad thought. 'I must have a new car. I'm going to buy the silver one that I saw yesterday.'

So on Saturday, he bought a new car. William and his dad wanted to try it so they drove into the town. After half an hour, they decided to stop because they were hungry. They found a place for the car in a small, quiet street and left it there.

'Good!' said the policeman, 'because I remember you and your old car!' They looked in all the roads near the café and soon found the new silver one!

Examples

William's dad was goinghome..... when his old car stopped.

The colours of the old car wereblue and white.....

Questions

- 1 On the road behind the old car there was
.....
- 2 and a policeman pushed the old car off the road.
- 3 William's father decided he had to get a
.....
- 4 William and his father went into in the new silver car.
- 5 They left the new car in a and walked to a café.
- 6 After their snack, they looked for the new car for
.....
- 7 The who helped them find the car was the one who helped Dad before.

C. HOMEWORK

GRAMMAR (15 questions)

I. Con học nghĩa, phát âm và chép từ ở mục II. EXTRA VOCABULARY (trang 1) một dòng vào vở.

II. Choose the correct answer.

0. *There is _____ time before the train leaves, so we do not need to hurry.*
A. few
B. little
C. plenty of
2. I have _____ close friends, so I often feel lonely.
A. a few
B. few
C. a little
4. There is _____ water in the bottle, so we need to refill it.
A. a few
B. few
C. little
1. My brother spends _____ time playing video games at weekends.
A. many
B. a lot of
C. a few
3. We have very _____ eggs left—only one—so we cannot make the cake.
A. little
B. a little
C. few
5. Could you give me _____ sugar for my tea, please?
A. a little
B. little
C. a few

III. Complete the sentences with the correct words from the box.

a lot of	plenty of	few	a few	little	a little
----------	-----------	-----	-------	--------	----------

0. I have a lot of books at home.
1. There are _____ apples in the basket, we can make a pie.
2. We have _____ milk left. We need to buy some more.
3. Only _____ students were absent today.
4. I need _____ sugar for my tea.
5. Only two students came to the club, so there were very _____ students there.

IV. Reorder the words to make completed sentences.

0. plenty of / We / food. / have

→ We have plenty of food.

1. a lot of / My school / students. / has

→ _____.

2. have / a few / I / close friends.

→ _____.

3. visit / Few / the park / people / on rainy days.

→ _____.

4. a little / There / milk / is / in the fridge.

→ _____.

5. little / before class / We / time / have.

→ _____.

CAMBRIDGE READING PRACTICE (5 questions)

Read Flyers Reading Part 5 on page 2 again and choose T (True) or F (False).

0. William's dad bought a new silver car because his old car stopped working. T

1. A policeman helped William's dad. → _____

2. William's dad bought the new car on Sunday. → _____

3. The new car was silver. → _____

4. William and his dad stopped for some food. → _____

5. They left the new car in a busy street. → _____